TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1306/2022/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Thủ Đức, ngày 21 tháng 4 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 Điều 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, Điều 81 82, 83, 85 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý sơ thẩm số 618/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021 về việc "Thuận tình ly hôn" giữa những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trần Phi L, sinh năm 1983

Thường trú: 750 Nguyễn D, Khu phố C, phường F, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1987

Thường trú: 750 Nguyễn D, Khu phố C, phường F, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Q*uan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án*:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo qui định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự đang cư trú tại thành phố Thủ Đức nên việc dân sự này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về các yêu cầu của các đương sự*:

Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 01/2007 ngày 15/01/2007 tại UBND phường F, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Phi L và bà Nguyễn Thị H là hợp pháp.

Căn cứ theo Đơn yêu cầu, các bản tự khai và biên bản hòa giải không thành, biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành có trong hồ sơ Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, nhận thấy:

Quan hệ hôn nhân giữa ông Lvà bà H là tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Trong đời sống vợ chồng, ông Lvà bà H phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn tình cảm, không thể giải quyết hết trách nhiệm giữa vợ chồng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả ông Lvà bà H tự nguyện thuận tình ly hôn. Tại phiên hòa giải đoàn tụ, ông Lvà bà H không mong muốn được đoàn tụ vợ chồng và thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn và công nhận sự thỏa thuận của ông, bà:

- Về con chung: Ông Trần Phi L và bà Nguyễn Thị H cùng thừa nhận có 01 con chung tên là Trần Thị Mộng T, sinh ngày 06/12/2006. Ông L và bà H thỏa thuận giao con chung cho ông Trần Phi L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung thành niên và tự lập, hoặc được thay đổi, chấm dứt theo quy định của pháp luật.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị H cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/tháng, thời gian giao tiền từ ngày 10-12 hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 4/2022 trở đi.

- Không ai có quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các điều 81, điều 82, điều 83, điều 84 và điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Phi L và bà Nguyễn Thị H xác nhận không có.

Xét sự nội dung thỏa thuận trên của đương sự là không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 13/4/2022, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Phi L và bà Nguyễn Thị H thuận tình ly hôn. Quyền và nghĩa vụ vợ chồng giữa ông L và bà H theo Giấy chứng nhận kết hôn số

05, quyển số 01/2007 ngày 15/01/2007 tại UBND phường F, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, được chấm dứt kể từ ngày 21/4/2022.

- Về con chung: Giao cho ông Trần Phi L được quyền trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên là Trần Thị Mộng T, sinh ngày 06/12/2006 cho đến khi con chung thành niên và tự lập, hoặc được thay đổi, chấm dứt theo quy định của pháp luật.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị H cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/tháng, thời gian giao tiền từ ngày 10 -12 hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 4/2022 trở đi.

Thi hành án dưới sự giám sát của Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Không ai có quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các điều 81, điều 82, điều 83, điều 84 và điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Về tài sản và nợ chung: Ông Trần Phi L và bà Nguyễn Thị H xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, ông Trần Phi L tự nguyện chịu, được trừ vào số tiền lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0025889 ngày 17/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông L đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- UBND Phường F, Tp. Thủ Đức;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lương Thị Thu